

Số: /XN-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN

**Đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện dự án
Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 18/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương đầu tư dự án Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2682/QĐ-BTNMT ngày 13/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản đăng ký thu hồi khoáng sản đề ngày 20/01/2026 kèm theo hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện thi công Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tập đoàn ANHPHATGROUP và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 253/TTr-SNNMT ngày 09/02/2026 (kèm theo văn bản tham gia ý kiến Sở Xây dựng, Công an tỉnh, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Trường Lâm, UBND phường Trúc Lâm).

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận Công ty cổ phần Tập đoàn ANHPHATGROUP (Mã số doanh nghiệp 2800846807, đăng ký lần đầu ngày 22/6/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 17/11/2025 do Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp; địa chỉ trụ sở chính: Số 306 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa) đã đăng ký thu hồi khoáng sản các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: Đất làm vật liệu san lấp.

2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản:

Thuộc phạm vi diện tích thực hiện Dự án Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa trên địa bàn các xã Trường Lâm và phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa.

3. Không gian thu hồi khoáng sản:

a) Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản: 1.520.124 m²; trong đó diện tích thuộc xã Trường Lâm: 519.354,0 m²; diện tích thuộc phường Trúc Lâm: 1.000.770 m².

b) Mức sâu thu hồi khoáng sản thấp nhất: Khu 1, 2: +25,0 m; khu 3: +20,0 m.

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 - Bản đồ ranh giới khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi (ở trạng thái tự nhiên): 8.000.000 m³.

5. Thời gian thu hồi khoáng sản: Đến ngày 31/3/2027.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần Tập đoàn ANHPHATGROUP có trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin vị trí, khối lượng, chủng loại khoáng sản được nêu trong Bản đăng ký thu hồi của đơn vị; tổ chức thực hiện việc thu hồi khoáng sản đất làm vật liệu san lấp theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch, thời hạn nêu trên theo đăng ký của đơn vị. Thực hiện thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính với nhà nước khác theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm liên quan đến lĩnh vực giao thông, môi trường, an toàn lao động trong quá trình thu hồi, vận chuyển khoáng sản.

- Trước khi tổ chức khai thác, thu hồi khoáng sản đất san lấp tại dự án phải có văn bản kèm theo hợp đồng cung cấp đất cho công trình, dự án cụ thể, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Trường Lâm, UBND phường Trúc Lâm và các cơ quan chức năng có liên quan để theo dõi, giám sát.

- Khai thác khoáng sản đúng khối lượng được cấp phép, trong đó ưu tiên sử dụng cho các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh; bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác theo quy định của pháp luật; lắp đặt, duy trì vận hành, sử dụng camera giám sát, thiết bị cân (bao gồm trạm cân hoặc thiết bị cân khác) hoặc thiết bị đo đặc để kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác phục vụ công tác thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác để UBND xã Trường Lâm, UBND phường Trúc Lâm theo dõi, giám sát; kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ hàng tháng về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Trường Lâm, UBND phường Trúc Lâm đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công Dự án Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có khoáng sản mới ngoài loại khoáng sản đăng ký nêu trên, Công ty cổ phần tập đoàn ANHPHATGROUP phải dừng ngay việc thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ 03 tháng/lần báo cáo tình hình thực hiện công tác thu hồi khoáng sản về UBND tỉnh Thanh Hóa (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, quản lý theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Trường Lâm, UBND phường Trúc Lâm theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi khoáng sản theo các nội dung nêu trên của đơn vị; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật nếu để đơn vị lợi dụng việc khai thác khoáng sản trái phép, không đúng các nội dung nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này do sự thiếu kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Trường Lâm;
- UBND phường Trúc Lâm
- Công ty cổ phần Tập đoàn ANHPHATGROUP;
- Lưu VT, CN (T02.41).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận số /XN-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ múi chiếu 3 ⁰)				
		X (m)	Y (m)	STT	X (m)	Y (m)
Khu vực 1	1	2.145.463,413	572.141,788	43	2.145.648,335	571.075,019
	2	2.145.483,693	572.022,218	44	2.145.611,529	571.078,016
	3	2.145.496,643	572.019,788	45	2.145.556,607	570.999,966
	4	2.145.564,123	572.032,028	46	2.145.487,990	570.839,721
	5	2.145.557,243	571.993,468	47	2.145.442,876	570.815,279
	6	2.145.566,542	571.932,597	48	2.145.410,372	570.830,339
	7	2.145.631,614	571.926,842	49	2.145.377,373	570.872,020
	8	2.145.618,674	571.857,467	50	2.145.332,759	570.903,116
	9	2.145.580,262	571.819,733	51	2.145.260,097	571.075,019
	10	2.145.554,808	571.761,314	52	2.145.147,361	571.078,016
	11	2.145.838,464	571.636,704	53	2.145.101,126	570.999,966
	12	2.145.942,506	571.523,630	54	2.145.089,317	570.839,721
	13	2.145.992,038	571.569,239	55	2.145.076,210	570.815,279
	14	2.145.833,481	571.774,413	56	2.145.060,859	570.830,339
	15	2.145.918,219	571.966,199	57	2.145.052,619	570.872,020
	16	2.145.965,336	571.948,275	58	2.144.944,041	570.903,116
	17	2.145.977,440	572.106,828	59	2.144.910,152	571.075,019
	18	2.146.064,237	572.118,530	60	2.144.873,649	571.078,016
	19	2.146.081,319	572.051,954	61	2.144.817,894	570.999,966
	20	2.146.102,036	572.042,462	62	2.144.786,858	570.839,721
	21	2.146.075,000	571.981,768	63	2.144.731,835	570.815,279
	22	2.146.076,280	571.961,705	64	2.144.699,410	570.830,339
	23	2.146.088,763	571.961,928	65	2.144.753,537	570.872,020
	24	2.146.175,258	571.986,792	66	2.144.865,226	570.903,116
	25	2.146.195,783	571.955,758	67	2.144.914,315	571.075,019
	26	2.146.190,604	571.851,459	68	2.144.897,260	571.078,016
	27	2.146.134,417	571.863,769	69	2.144.906,536	570.999,966
	28	2.146.095,243	571.834,828	70	2.144.950,797	570.839,721

	29	2.146.157,303	571.631,028	71	2.145.079,463	570.815,279
	30	2.146.125,153	571.627,758	72	2.145.014,832	570.830,339
	31	2.146.112,733	571.569,138	73	2.145.066,254	570.872,020
	32	2.146.110,743	571.468,768	74	2.145.099,919	570.903,116
	33	2.146.080,070	571.348,432	75	2.145.123,326	571.075,019
	34	2.146.062,248	571.267,379	76	2.145.240,852	571.078,016
	35	2.145.978,258	571.266,502	77	2.145.291,779	570.999,966
	36	2.145.915,190	571.249,128	78	2.145.375,498	570.839,721
	37	2.145.864,309	571.222,500	79	2.145.439,909	570.815,279
	38	2.145.815,423	571.166,958	80	2.145.472,243	570.830,339
	39	2.145.809,911	571.018,545	81	2.145.449,537	570.872,020
	40	2.145.757,120	571.036,381	82	2.145.353,393	570.903,116
	41	2.145.716,182	571.027,745	83	2.145.368,285	571.075,019
	42	2.145.675,119	571.045,284	84	2.145.410,537	571.078,016
	Diện tích: 839.464 m²					
	Mức sâu thu hồi thấp nhất: +25,0 m					
Khu vực 2	1	2.144.691,929	571.034,139	32	2.145.101,859	572.437,627
	2	2.144.632,010	571.087,767	33	2.145.068,823	572.431,385
	3	2.144.632,010	571.109,197	34	2.145.067,188	572.403,163
	4	2.144.757,419	571.242,889	35	2.145.197,346	572.255,891
	5	2.144.645,248	571.448,238	36	2.145.115,248	572.181,773
	6	2.144.624,011	571.452,208	37	2.145.138,302	572.151,415
	7	2.144.551,796	571.606,434	38	2.145.054,830	572.075,907
	8	2.144.605,463	571.641,705	39	2.144.916,721	572.157,747
	9	2.144.281,720	572.132,914	40	2.144.808,419	572.076,970
	10	2.144.356,627	572.213,294	41	2.144.744,999	572.038,829
	11	2.144.442,139	572.180,795	42	2.144.734,935	572.004,561
	12	2.144.550,263	572.039,652	43	2.144.764,814	571.899,065
	13	2.144.591,004	572.058,773	44	2.144.826,175	571.837,868
	14	2.144.607,766	572.130,322	45	2.144.864,325	571.834,476
	15	2.144.698,036	572.085,030	46	2.144.868,313	571.794,372
	16	2.144.718,155	572.156,157	47	2.144.978,910	571.726,946
	17	2.144.684,306	572.479,215	48	2.145.083,568	571.786,817
	18	2.144.648,737	572.485,701	49	2.145.193,196	571.689,739
	19	2.144.674,753	572.570,407	50	2.145.210,554	571.640,608
	20	2.144.821,149	572.708,110	51	2.145.158,260	571.587,527
	21	2.144.860,550	572.712,074	52	2.145.115,925	571.597,996

	22	2.144.938,145	572.748,686	53	2.145.013,897	571.540,156
	23	2.145.031,230	572.740,169	54	2.144.928,354	571.587,650
	24	2.145.151,759	572.791,093	55	2.144.829,885	571.606,376
	25	2.145.239,747	572.725,610	56	2.144.810,075	571.565,231
	26	2.145.303,046	572.707,764	57	2.144.844,216	571.494,823
	27	2.145.328,924	572.651,990	58	2.144.833,607	571.439,457
	28	2.145.265,738	572.628,086	59	2.144.783,163	571.407,190
	29	2.145.264,234	572.596,962	60	2.144.899,187	571.201,944
	30	2.145.338,232	572.480,367	61	2.144.807,579	571.091,458
	31	2.145.288,593	572.394,510	62	2.144.738,390	571.098,373
	Diện tích: 657.550 m²					
	Mức sâu thu hồi thấp nhất: +25,0 m					
Khu vực 3	1	2.144.000,260	572.560,330	4	2.144.175,429	572.531,994
	2	2.144.132,021	572.360,249	5	2.144.059,847	572.597,456
	3	2.144.193,284	572.447,966			
	Diện tích: 23.110 m²					
	Mức sâu thu hồi thấp nhất: +20,0 m					